

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 5339/UBND-KT

Về việc tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 qua địa bàn huyện Tuy Phước.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 31 tháng 07 năm 2023

Kính gửi:

- Sở Giao thông vận tải;
- Ban QLDA Giao thông tỉnh;
- UBND huyện Tuy Phước;
- Ban QLDA 85.

Theo báo cáo của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 103/BC-SGTVT ngày 28/7/2023 về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 qua địa bàn tỉnh và Báo cáo của Ban QLDA Giao thông tỉnh tại Văn bản số 1987/BC-BQLGT ngày 28/7/2023, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Đến nay, UBND huyện Tuy Phước đã triển khai thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đạt được kết quả như sau: phê duyệt phương án bồi thường, GPMB **48 đợt** cho **1.060 hộ**, số tiền **549,52 tỷ** đồng, với diện tích **79,36 ha** tuyến chính, đạt **100%** mặt bằng tuyến chính, bàn giao mặt bằng tuyến chính cho Chủ đầu tư khoảng **87,4%**, giao đất tái định cư được **65/122 hộ** phải bố trí tái định cư, đạt **53,30%**, đã giải ngân đạt tỷ lệ **93,6%** vốn cấp. Khối lượng giải phóng mặt bằng dự án đã thực hiện được là rất lớn, tuy nhiên phần khối lượng còn lại rất nhiều và có tính chất phức tạp, do vậy, yêu cầu UBND huyện Tuy Phước và các đơn vị có liên quan tập trung chỉ đạo, điều hành, phối hợp giải quyết dứt điểm các vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư, với các nhiệm vụ cụ thể như sau:

a. Giao UBND huyện Tuy Phước

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và bố trí tái định cư. Trong đó, tập trung di dời hạ tầng kỹ thuật hoàn thành trước ngày 15/8/2023. Đảm bảo đến 30/8/2023 phải bàn giao toàn bộ mặt bằng sạch để triển khai thi công dự án.

- Đẩy nhanh việc giải ngân để đáp ứng yêu cầu tiến độ dự án; đồng thời, phối hợp với Ban QLDA 85 kiểm tra, rà soát lại toàn bộ kinh phí đã cấp phục vụ chi trả bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để đề xuất điều chỉnh phù hợp, đảm bảo tiến độ và tỷ lệ giải ngân theo quy định.

- Chỉ đạo đơn vị thi công tập trung hoàn thành xây dựng các khu tái định cư để phục vụ bàn giao đất tái định cư ngoài thực địa cho các hộ dân tiến hành xây dựng nhà ở ổn định cuộc sống; phải thực hiện hoàn thành toàn bộ việc xét giao đất tái định cư cho các hộ dân trước ngày 05/8/2023; bàn giao đất tái định cư ngoài thực địa hoàn thành trước ngày 15/8/2023.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tăng cường triển khai công tác tuyên truyền, vận động người dân chấp hành chủ trương, chính sách nhà nước, sớm nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và bàn giao mặt bằng thi công; trường hợp các hộ dân có tình không chấp hành phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì củng cố hồ sơ, thủ tục, lập và triển khai kế hoạch cưỡng chế (*hoặc bảo vệ thi công*) để đảm bảo yêu cầu tiến độ dự án.

- Kiểm tra, rà soát và ban hành quyết định thu hồi đất, nhất là đối với các vị trí có khả năng phải tổ chức cưỡng chế thu hồi đất, để đảm bảo hồ sơ, thủ tục khi lập và triển khai kế hoạch cưỡng chế.

- Chủ động phối hợp với Ban QLDA 85 giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; đồng thời, tập trung ưu tiên giải quyết các điểm Găng để đảm bảo tiến độ dự án.

- Chủ động phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Ban QLDA 85 tiến hành kiểm tra, rà soát, xác định các vị trí cần xây dựng bổ sung đường gom, hệ thống hào, công kỹ thuật qua đường cao tốc để bố trí HTKT phục vụ dân sinh như: cấp viễn thông, cấp nước sinh hoạt, cấp điện sinh hoạt, cấp nước PCCC, ...

- Chủ động phối hợp với các Ban QLDA 85 giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án; đồng thời, tích cực phối hợp, hỗ trợ Ban QLDA 85 và các nhà thầu có liên quan để thoả thuận bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong khu vực khai thác mỏ vật liệu.

b. Các sở, ngành có liên quan tập trung phối hợp, hỗ trợ địa phương, đơn vị có liên quan giải quyết các công việc có liên quan đến dự án, theo lĩnh vực quản lý ngành và Tổ giải quyết vướng mắc kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho địa phương để tạo điều kiện cho các địa phương triển khai thực hiện; trường hợp vượt quá thẩm quyền kịp thời báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện.

c. Giao Sở Giao thông vận tải

- Tăng cường công tác phối hợp với địa phương, đơn vị có liên quan kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền nhằm đẩy nhanh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu tiến độ dự án.

- Kiểm tra đôn đốc, theo dõi nắm bắt tình hình triển khai công tác bồi thường giải phóng mặt bằng của địa phương, kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất giải quyết các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng.

d. Yêu cầu Ban QLDA 85

- Ban QLDA 85 và các nhà thầu phải phối hợp làm việc với UBND huyện Tuy Phước thống nhất phương án giá bồi thường, hỗ trợ trước khi tổ chức thoả thuận với các hộ dân trong khu vực khai thác mỏ vật liệu.

- Phối hợp làm việc với UBND huyện Tuy Phước để xác định cụ thể các điểm Găng cần ưu tiên triển khai để đảm bảo tiến độ dự án; kịp thời phối hợp giải quyết các vướng mắc để đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; đồng thời, phối hợp giải quyết dứt điểm các kiến nghị của địa phương liên quan đến việc đầu tư xây dựng các đường gom tuyến chính, hào kỹ thuật và đường hoàn trả phục vụ dân sinh.

- Chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ thống đường địa phương (*đường tỉnh, đường huyện, đường GTNT...*) và phải khắc phục, sửa chữa kịp thời nếu bị ảnh hưởng hư hỏng trong quá trình thi công dự án Đường bộ cao tốc Bắc – Nam.

- Tăng cường công tác phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai dự án để kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền; trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo kiến nghị Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh Bình Định để xem xét giải quyết theo quy định.

- Ban QLDA 85 phối hợp với UBND thị xã An Nhơn rà soát lại toàn bộ kinh phí phục vụ chi trả bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng để điều chỉnh, bổ sung phù hợp đảm bảo cho việc chi trả tiền bồi thường.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Dự án Tuyến đường kết nối từ Trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại

a. Giao UBND huyện Tuy Phước

- Khẩn trương tập trung giải quyết dứt điểm các vướng mắc để hoàn thành công tác bồi thường giải phóng mặt bằng đáp ứng yêu cầu tiến độ thi công dự án; đối với 02 hộ dân đã chấp thuận nhận tiền bồi thường, tập trung vận động, yêu cầu sớm bàn giao mặt bằng thi công; riêng đối với hộ ông Trung tổ chức làm việc cụ thể, giải quyết các kiến nghị theo quy định, vận động hộ dân nhận tiền bàn giao mặt bằng, trường hợp hộ dân cố tình không chấp hành thì hoàn thiện hồ sơ, thủ tục triển khai kế hoạch cưỡng chế (*hoặc bảo vệ thi công*) hoàn thành trước ngày 15/8/2023.

- Chủ động, phối hợp với các Ban QLDA Giao thông tỉnh giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

b. Giao Ban QLDA Giao thông tỉnh

- Chỉ đạo nhà thầu thi công tập trung đầy đủ nhân lực, thiết bị để triển khai thi công đáp ứng yêu cầu tiến độ và chất lượng xây dựng dự án.

- Tăng cường công tác phối hợp với UBND huyện Tuy Phước để kịp thời giải quyết các vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp triển khai thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, TNMT; NN và PTNT;
- CVP, PVP TD;
- TCT của CT UBND tỉnh;
- Lưu VT, K19.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BỒI THƯỜNG GPMB VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
 (Kèm theo Văn bản số: /UBND-KT ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Đã xác nhận nguồn gốc tuyến chính bị ảnh hưởng		Phê duyệt phương án bồi thường, GPMB					Bàn giao mặt bằng tuyến chính				Di dời mô mã trên tuyến chính		Vốn và giải ngân					Tái định cư					
		Số hộ	Tỷ lệ (%)	Tổng số đợt	Số hộ, tổ chức trên tuyến chính đã phê duyệt	Diện tích tuyến chính đã phê duyệt (ha)	Tỷ lệ mặt bằng tuyến chính (%)	Kinh phí đã phê duyệt (tỷ đồng)	Diện tích đã bàn giao (ha)	Tỷ lệ mặt bằng bàn giao (%)	Chiều dài đã bàn giao (Km)	Tỷ lệ chiều dài bàn giao (%)	Số ngôi mộ đã di dời	Tỷ lệ (%)	Kinh phí đã được cấp (tỷ đồng)	Đã chi trả (tỷ đồng)	Tỷ lệ giải ngân (%)	Diện tích tuyến chính đã chi trả (ha)	Tỷ lệ diện tích tuyến chính đã chi trả	Số ngôi nhà bị giải tỏa trắng	Số hộ phải bố trí tái định cư (hộ)	Số hộ đã giao đất (hộ)	Tỷ lệ đã giao đất TĐC (%)	Số hộ đã giao đất thực địa (hộ)	Tỷ lệ đã giao đất TĐC thực địa (%)
1	Hoài Nhơn	4.182	100%	294	3.999	249,95	98,0%	1.157,49	241,00	94,5%	26,94	92,0%	1.304	99,8%	1.430,5	874,8	61,1%	240,84	94,4%	241	163	143	87,7%	143	87,7%
2	Hoài Ân	1.318	100%	48	1.318	163,95	100,0%	464,08	151,11	92,2%	18,400	94,8%	809	91,0%	639,1	275,3	43,1%	151,65	92,5%	141	143	121	84,6%	121	84,6%
3	Phù Mỹ	1.597	100%	51	1.597	124,30	100,0%	699,79	119,27	96,0%	18,560	96,0%	1.644	99,0%	463,6	463,6	100,0%	119,40	96,1%	139	161	140	87,0%	140	87,0%
4	Phù Cát	677	100%	40	664	72,66	97,6%	338,73	68,27	91,7%	8,200	90,0%	413	98,8%	358,3	210,0	58,6%	68,27	91,7%	68	81	70	86,4%		0,0%
5	Tây Sơn	1.281	100%	30	1.281	80,25	100,0%	405,66	79,39	98,9%	10,410	96,8%	989	100,0%	423,7	233,7	55,2%	79,39	98,9%	77	77	75	97,4%	32	41,6%
6	An Nhơn	1.305	100%	111	1.305	106,68	100,0%	549,52	92,24	83,7%	11,22	89,2%	772	100,0%	713,6	356,4	49,9%	93,91	88,0%	70	109	81	74,3%	74	67,9%
7	Tuy Phước	1.060	100%	48	1.060	79,36	100,0%	469,23	76,42	87,4%	9,65	82,7%	741	99,5%	326,2	305,5	93,6%	76,42	96,3%	97	122	65			0,0%
8	Quy Nhơn	180	100%	35	178	60,10	98,2%	275,74	48,85	79,8%	5,995	88,9%	60	100,0%	176,7	105,6	59,8%	53,20	86,9%	51	51	51	100,0%	35	68,6%
9	Ban GPMB tỉnh													201,4	119,0	59,1%									
Tổng cộng		11.600	100%	657	11.402	937,25	99,1%	4.360,24	876,55	92,7%	109,37	93,2%	6.732	98,4%	4.733,0	2.943,9	62,2%	883,08	93,4%	884	907	746	82,2%	545	60,1%

PHỤ LỤC 2**QUY MÔ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ VÀ GIAO ĐẤT TÁI ĐỊNH CƯ**

(Kèm theo Văn bản số /UBND-KT ngày / /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa phương	Số ngôi nhà bị giải tỏa trắng	Xây dựng Khu tái định cư				Khối lượng đã thực hiện	Số lô đất phải bố trí tái định cư (hộ)	Số hộ phải bố trí tái định cư (hộ)	Đã xét giao đất tái định cư		Đã giao đất tái định cư thực địa	
			Số khu	Diện tích (ha)	Số lô	TMDT (tỷ)				Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1	Hoài Nhơn	241	12	18,440	476	256,355		207	163	143	87,7%	143	87,7%
1.1	Khu TĐC số 1 thôn An Hội, Hoài Sơn			1,570	44	12,368	85%						
1.2	Khu TĐC số 2 thôn Hy Văn, Hoài Sơn			1,570	43	17,379	85%						
1.3	Khu TĐC số 3 thôn Thành Sơn, Hoài Châu			0,220	8	2,439	85%						
1.4	Khu TĐC số 4 thôn Tân An, Hoài Châu			0,480	14	3,778	85%						
1.5	Khu TĐC số 5 thôn Mỹ Bình 2, Hoài Phú			3,000	76	31,327	85%						
1.6	Khu TĐC số 6 thôn Lương Thọ 2, Hoài Phú			2,270	63	29,6	85%						
1.7	Khu TĐC số 7 K. phố Tấn Thạnh 1, H. Hào			3,600	90	74,916	85%						
1.8	Khu TĐC số 8 KP Ngọc Sơn Bắc, H. Thanh Tây			1,500	32	19,452	85%						

TT	Địa phương	Số ngôi nhà bị giải tỏa trắng	Xây dựng Khu tái định cư				Khối lượng đã thực hiện	Số lô đất phải bố trí tái định cư (hộ)	Số hộ phải bố trí tái định cư (hộ)	Đã xét giao đất tái định cư		Đã giao đất tái định cư thực địa	
			Số khu	Diện tích (ha)	Số lô	TMDT (tỷ)				Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
1.9	Khu TĐC số 9 K. phố Giao Hội 2, H. Tân			1,570	43	19,2	85%						
1.10	Khu TĐC số 10 K. phố Đệ Đức 1, H. Tân			0,910	20	14,927	85%						
1.11	Khu TĐC số 11 KP Đệ Đức 1, Cây Trôi, H. Tân			0,850	22	14,859	85%						
1.12	Khu TĐC số 12 KP Lại Khánh Tây, H. Đức			0,900	21	16,11	85%						
2	Hoài Ân	141	8	7,403	306	45,240		197	143	121	84,6%	121	84,6%
2.1	Khu TĐC Đội 8, thôn Long Mỹ, Ân Mỹ			0,977	34	6,200	85%						
2.2	Khu TĐC Đồng Xe Tư, thôn Hội An, Ân Thạnh			1,073	53	6,000	80%						
2.3	Khu TĐC xã Rộc Sáu, thôn Thế Thạnh 1, A. Thạnh			0,718	26	5,840	75%						
2.4	Khu TĐC Đồng Xe Thu, thôn Thế Thạnh 2, A. Thạnh			0,165	11		100%						

TT	Địa phương	Số ngôi nhà bị giải tỏa trắng	Xây dựng Khu tái định cư				Khối lượng đã thực hiện	Số lô đất phải bố trí tái định cư (hộ)	Số hộ phải bố trí tái định cư (hộ)	Đã xét giao đất tái định cư		Đã giao đất tái định cư thực địa	
			Số khu	Diện tích (ha)	Số lô	TMDT (tỷ)				Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
2.5	Khu TĐC Đồng Cây Thị, thôn Thê Thanh 1, A. Thanh			2,226	91	13,500	70%						
2.6	Khu TĐC Đội 5, thôn An Hậu, Ân Phong			0,585	39	2,240	100%						
2.7	Khu TĐC thôn Vĩnh Viễn			0,796	21	5,800	75%						
2.8	Khu TĐC Sư đoàn 3 Sao Vàng			0,863	31	5,660	90%						
3	Phù Mỹ	139	5	9,590	168	66,640		161	161	140	87,0%	140	87,0%
3.1	Khu TĐC thôn Thanh An, Mỹ Hiệp			2,220	32	14,283	93%						
3.2	Khu TĐC thôn Đại Thuận, Mỹ Hiệp			2,000	44	13,718	87%						
3.3	Khu TĐC thôn An Lạc 2, Mỹ Hòa			2,260	22	14,776	87%						
3.4	Khu TĐC thôn Phước Thọ, Mỹ Hòa			2,300	48	14,868	85%						
3.5	Khu TĐC thôn Trung Hội, Mỹ Trinh			0,810	22	8,995	80%						
4	Phù Cát	68	5	7,510	142	74,447		81	81	70	86,4%		0,0%

TT	Địa phương	Số ngôi nhà bị giải tỏa trắng	Xây dựng Khu tái định cư				Khối lượng đã thực hiện	Số lô đất phải bố trí tái định cư (hộ)	Số hộ phải bố trí tái định cư (hộ)	Đã xét giao đất tái định cư		Đã giao đất tái định cư thực địa	
			Số khu	Diện tích (ha)	Số lô	TMDT (tỷ)				Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
4.1	Khu TĐC thôn Tân Xuân, Cát Hanh			1,507	34	16,894	55%						
4.2	Khu TĐC thôn Khánh Phước, Cát Hanh			0,502	13	5,002	100%						
4.3	Khu TĐC thôn Mỹ Hóa, Cát Hanh			2,061	39	17,125	85%						
4.4	Khu TĐC thôn Hòa Đại, Cát Hiệp			2,200	36	20,44	80%						
4.5	Khu TĐC thôn Hội Vân, Cát Hiệp			1,240	20	14,986	100%						
5	Tây Sơn	77	2	5,950	131	54,617		81	77	75	97,4%	32	41,6%
5.1	Khu TĐC xã Bình Thuận			1,890	33	14,432	98%						
5.2	Khu TĐC xã Tây Vinh			4,060	98	40,185	92%						
6	An Nhơn	70	2	4,572	137	71,519		142	109	81	74,3%	74	67,9%
6.1	Khu tái định cư xã Nhơn Phúc			2,440	71	33,99	97%						
6.2	Khu tái định cư phường Nhơn Hòa			2,132	66	37,529	95%						
7	Tuy Phước	97	4	11,890	309	124,848		122	122	65	53,3%		0,0%

TT	Địa phương	Số ngôi nhà bị giải tỏa trắng	Xây dựng Khu tái định cư				Khối lượng đã thực hiện	Số lô đất phải bố trí tái định cư (hộ)	Số hộ phải bố trí tái định cư (hộ)	Đã xét giao đất tái định cư		Đã giao đất tái định cư thực địa	
			Số khu	Diện tích (ha)	Số lô	TMDT (tỷ)				Số hộ	Tỷ lệ (%)	Số hộ	Tỷ lệ (%)
7.1	Khu TĐC xóm 3, thôn Bình An 1, Phước Thành			1,960	44	12,659	98%						
7.2	Khu TĐC xóm 1, thôn Bình An 2, Phước Thành			2,000	65	11,322	98%						
7.3	Khu TĐC xóm 1, thôn Cảnh An, Phước Thành			2,900	55	22,065	98%						
7.4	Khu TĐC xóm 1, thôn An Sơn 1, Phước An			5,030	145	46,655	98%						
8	Quy Nhơn	51		3,740	98	49,519		51	51	51	100,0%	35	68,6%
	Khu TĐC phường Bùi Thị Xuân	50	1	3,740	98	49,519	40%						
Tổng cộng		884	39	69,095	1.767	743,185		1.042	907	746	82,2%	545	60,1%